

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hà và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**; sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh **Đỗ Quốc Ph**; sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,, anh Ph vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Trần Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị T trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Đỗ Quốc Ph tự nguyện kết hôn với nhau ngày 16/3/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi đó chị và anh Ph đều làm công nhân tại T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với mẹ anh Ph tại thị trấn T, huyện T, chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Ph có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra xích mích va chạm, cuộc sống chung không được hòa thuận. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên thuyết phục hòa giải nhưng không kết quả, mâu thuẫn vẫn không giải quyết được nên từ tháng 3/2021 chị đã về ở nhà bố mẹ đẻ,

vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị với anh Ph đã nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Quốc Ph.

- Về con chung: Chị T trình bày chị và anh Ph có 01 con chung là Đỗ Bảo V; sinh ngày 18/9/2018, từ khi vợ chồng sống ly thân con chung vẫn ở cùng với bố là anh Ph tại thị trấn T, huyện T. Sau khi ly hôn chị đồng ý để cho anh Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Còn về cấp dưỡng do hiện nay chị không có nghề nghiệp và sức khỏe yếu nên chỉ có thể cấp dưỡng được cho con mỗi tháng từ 700.000.đ đến 750.000.đ.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị T trình bày chị và anh Đỗ Quốc Ph không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Đỗ Quốc Ph vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Tòa như sau: Anh Ph xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị T đã trình bày ở trên. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ khi sinh con, vợ chồng có nhiều bất đồng, xung đột cãi chửi nhau và từ tháng 3/2021 cho đến nay anh và chị T đã không còn sống chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn quan điểm của anh Ph là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con.

- Về con chung: Anh Ph trình bày anh và chị T có 01 con chung đúng như chị T đã trình bày, con chung đang ở với anh tại thị trấn T, huyện T, trường hợp phải ly hôn anh Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Ph trình bày anh và chị T không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với bị đơn là anh Đỗ Quốc Ph, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Quốc Ph kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những bất đồng xung đột, thiếu sự tin tưởng đối với nhau, cả hai cũng không có những biện pháp tích cực để cùng nhau giải quyết bất đồng làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không được hòa thuận và không thực sự hạnh phúc dẫn đến vợ chồng đã phải sống ly thân từ nhiều tháng nay, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân. Như

vậy, có căn cứ để khẳng định; mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Ph đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đến nay không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Quốc Ph có 01 con chung như đã nêu ở trên và hiện đang do anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía anh Ph có yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau ly hôn, còn chị T cũng đồng ý để cho anh Ph nuôi con sau ly hôn. Xét hiện nay con chung đang có cuộc sống ổn định, chị T và anh Ph đều thống nhất được việc nuôi con sau ly hôn, vì vậy để cho con tiếp tục có cuộc sống ổn định, các quyền lợi được đảm bảo nên giao cho anh Ph là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con; Anh Ph yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, còn chị T đồng ý cấp dưỡng mức từ 700.000.đ đến 750.000.đ/tháng. Xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con là nghĩa vụ chung, việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm, cũng là sự ràng buộc và mối liên hệ tình cảm thường xuyên của người không trực tiếp nuôi con với con của mình vì vậy yêu cầu cấp dưỡng của anh Ph là có căn cứ. Còn về mức cấp dưỡng, do chị T hiện không có nghề nghiệp, sức khỏe yếu và không có thu nhập thường xuyên nên chỉ buộc chị T cấp dưỡng nuôi con mức 750.000.đ/tháng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Trần Thị T và anh Đỗ Quốc Ph đều trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đỗ Quốc Ph.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho anh Đỗ Quốc Ph được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đỗ Bảo V; sinh ngày 18/9/2018 (hiện nay con chung đang ở với anh Ph tại khu 2, thị trấn T, huyện T).

Chị Trần Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đỗ Quốc Ph mỗi tháng là 750.000.đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000.đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng số tiền án phí chị T phải nộp là **600.000.đ** (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0004669 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND thị trấn T;
- Các đồng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Vũ